

Số 09.25 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
 - Mã chứng khoán: VID
 - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
 - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố :
 - ✓ Báo cáo tài chính riêng 2024 đã được kiểm toán
 - ✓ Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 đã được kiểm toán
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán
- BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Bùi Quang Khoa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2
3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
5.1 Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 33

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 3842 8633 - 3849 6056

Fax : (028) 3842 5880

Website : <https://dautuviendong.vn>

Email : info@dautuviendong.vn

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính riêng kèm theo theo Giấy ủy quyền số 01.24/UQ/MID-HCNS ngày 06/05/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty") để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Số: 082/2025/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

17-0
NH
IN
HÍ M

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Đặng Thành Lâm
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4265-2023-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.931.289.517	8.944.228.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.549.028.587	1.829.663.592
1. Tiền	111		3.549.028.587	1.829.663.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.341.681.570	2.556.735.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.254.115.804	37.268.534.973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.811.351.755	1.314.699.061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.1	54.905.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.166.899.784	1.259.287.232
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(35.795.685.773)	(37.285.785.773)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.040.579.360	4.557.829.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	100.158.696	21.697.863
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.877.916.255	4.536.131.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	62.504.409	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.518.343.611	440.157.067.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	60.735.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.2	-	60.735.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34.180.901.244	36.534.179.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	34.180.901.244	36.534.179.927
<i>Nguyên giá</i>	222		100.676.986.018	96.420.721.989
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(66.496.084.774)	(59.886.542.062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		452.034.723	452.034.723
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(452.034.723)	(452.034.723)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.100.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.100.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		342.360.687.140	342.360.687.140
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	184.887.018.700	184.887.018.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	132.568.228.440	132.568.228.440
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	25.658.940.000	25.658.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		934.655.227	527.200.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	934.655.227	527.200.875
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		449.449.633.128	449.101.296.533

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.219.027.782	4.922.225.231
I. Nợ ngắn hạn	310		3.032.727.782	4.922.225.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	88.645.460	199.963.169
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	76.618.947	1.522.217.958
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.1	405.117.633	551.378.362
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.462.345.742	2.648.665.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		186.300.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19.2	186.300.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.230.605.346	444.179.071.302
I. Vốn chủ sở hữu	410		446.230.605.346	444.179.071.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	3.073.451.644	3.073.451.644
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	8.425.799.489	8.425.799.489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	23.116.399.213	21.064.865.169
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		646.830.669	8.641.547.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.469.568.544	12.423.317.309
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		449.449.633.128	449.101.296.533

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	9.331.083.780	32.600.297.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	9.331.083.780	32.600.297.782
4. Giá vốn hàng bán	11	24	3.880.127.268	28.188.956.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.450.956.512	4.411.341.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	41.630.592.720	29.916.239.364
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.154.568.301	22.025.921.617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.926.980.931	12.301.658.842
11. Thu nhập khác	31	27	1.543.672.756	125.221.079
12. Chi phí khác	32		1.085.143	3.562.612
13. Lợi nhuận khác	40		1.542.587.613	121.658.467
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.469.568.544	12.423.317.309
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.469.568.544	12.423.317.309

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.469.568.544	12.423.317.309
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12	6.877.234.015	6.539.044.245
- Các khoản dự phòng	03		(1.490.100.000)	(1.540.805.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41.643.484.023)	(29.913.485.995)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.786.781.464)	(12.491.929.441)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.716.496.584)	16.159.035.053
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.516.877.449)	(45.497.486)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(485.915.185)	(206.514.648)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	20	(186.320.000)	(102.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.692.390.682)	3.312.683.478
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.573.267.475)	(7.608.868.862)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	25.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.200.000.000)	(22.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.030.000.000	68.415.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(59.963.362.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.553.057.652	32.817.323.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.829.790.177	10.785.546.618

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2024	Năm 2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.719.364.995	(6.319.804.404)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.829.663.592	8.149.467.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	3.549.028.587	1.829.663.592

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay. Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đã được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 31.

1.4 Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 26 người (tại ngày 31/12/2023 là 26 người).

1.5 Cấu trúc Công ty

1.5.a Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Lô A2-8, đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

1.5.b Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt (*)	Lầu 2, số 84, KP 4, đường 30/4, P. Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Hoạt động du lịch và văn hóa	100.000.000.000	30,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.	173.109.780.000	33,27%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Số 29 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh...	45.000.000.000	32,98%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	28,33%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Khu 1B, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng	Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp...	19.505.110.000	27,04%	27,04%

(*) Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Làng Văn hóa tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và không phát sinh hoạt động kinh doanh.

1.5.c Đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông. Địa chỉ tại số 15, đường N3, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.1 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, khoản đầu tư nắm giữ giữa đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là các công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Mẫu B 09-DN

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.5 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá; còn các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, đồ dùng quản lý	03 - 07 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phần mềm ứng dụng là 03 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty/Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.11 Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.15 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Mẫu B 09-DN

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tiền mặt tại quỹ	200.436.998	244.835.829
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.348.591.589	1.584.827.763
Cộng	<u>3.549.028.587</u>	<u>1.829.663.592</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Bên liên quan	30.532.970.801	27.459.970.801
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	33.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	27.459.970.801
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	4.540.000.000	-
Các bên khác	9.721.145.003	9.808.564.172
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Các khách hàng khác	22.000.000	109.419.169
Cộng	<u>40.254.115.804</u>	<u>37.268.534.973</u>

Mẫu B 09-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Bên liên quan	-	-
Các bên khác	2.811.351.755	1.314.699.061
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
- Công ty TNHH Một thành viên SX - CK - XD Nhôm kính sắt inox Đức Trí	1.000.103.446	-
- Công ty Cổ phần Vinametechn Việt Nam	233.280.000	-
- Các nhà cung cấp khác	515.368.309	252.099.061
Cộng	<u>2.811.351.755</u>	<u>1.314.699.061</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
8.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn	54.905.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (a)	54.905.000.000	-
8.2 Phải thu về cho vay dài hạn	-	60.735.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (a)	-	31.135.000.000
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (b)	-	29.600.000.000
Tổng cộng	<u>54.905.000.000</u>	<u>60.735.000.000</u>

(a) Cho Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn, với tổng mức vay là 60 tỷ VND. Thời hạn cho vay từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2025, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Cho Công ty Cổ phần Tac Paritas vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này đã được tất toán trong năm.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Bên liên quan	940.571.781	336.943.562
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (lãi cho vay)	940.571.781	336.943.562
Các bên khác	226.328.003	922.343.670
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (lãi cho vay)	-	526.093.151
- Tạm ứng của người lao động	211.147.003	333.769.853
- Ký quỹ, ký cược	5.000.000	59.000.000
- Các khoản phải thu khác	10.181.000	3.480.666
Cộng	<u>1.166.899.784</u>	<u>1.259.287.232</u>

10. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán. Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu này số tiền bằng số nợ gốc trừ giá trị có thể thu hồi.

	31/12/2024			01/01/2024		
	Nợ quá hạn (giá gốc)	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Nợ quá hạn (giá gốc)	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Phải thu khách hàng	35.659.116	35.659.116	-	37.159.116	37.149.216	9.900
Công ty CP Thương mại Toàn Lực (Bên liên quan)	25.959.971	25.959.971	-	27.459.971	27.450.071	9.900
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Sao Mai Vi Na	9.699.145	9.699.145	-	9.699.145	9.699.145	-
Trả trước cho người bán	136.570	136.570	-	136.570	136.570	-
Cộng	35.795.686	35.795.686	-	37.295.686	37.285.786	9.900

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	100.158.696	21.697.863
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.220.277	-
Chi phí khác	39.938.419	21.697.863
11.2 Chi phí trả trước dài hạn	934.655.227	527.200.875
Chi phí công cụ, dụng cụ	755.752.404	508.645.707
Chi phí khác	178.902.823	18.555.168
Tổng cộng	1.034.813.923	548.898.738

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2024	84.029.274.548	6.235.490.608	3.691.788.326	2.464.168.507	96.420.721.989
Đầu tư hoàn thành	4.488.064.029	-	-	43.000.000	4.531.064.029
Thanh lý	-	(60.000.000)	(214.800.000)	-	(274.800.000)
Tại 31/12/2024	88.517.338.577	6.175.490.608	3.476.988.326	2.507.168.507	100.676.986.018
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2024	48.201.558.049	6.001.840.170	3.218.975.336	2.464.168.507	59.886.542.062
Trích khấu hao	6.675.969.525	100.512.243	88.807.807	11.944.440	6.877.234.015
Thanh lý	-	(60.000.000)	(207.691.303)	-	(267.691.303)
Tại 31/12/2024	54.877.527.574	6.042.352.413	3.100.091.840	2.476.112.947	66.496.084.774
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2024	35.827.716.499	233.650.438	472.812.990	-	36.534.179.927
Tại 31/12/2024	33.639.811.003	133.138.195	376.896.486	31.055.560	34.180.901.244

Tại 31/12/2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 29.461.549.297 VND.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại 31/12/2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm ứng dụng đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 452.034.723 VND.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	184.887.018.700	-	184.887.018.700	-
Cộng	184.887.018.700	-	184.887.018.700	-

Thông tin chủ yếu về công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.a.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty liên kết	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33.745.517.000	-	33.745.517.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	14.841.400.000	-	14.841.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	49.232.000.000	-	49.232.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	4.749.311.440	-	4.749.311.440	-
Cộng	132.568.228.440	-	132.568.228.440	-

Thông tin chủ yếu về công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.b.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2024		Tỷ lệ sở hữu	01/01/2024	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (a)	6,71%	24.905.440.000	-	6,71%	24.905.440.000	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An (b)	13,87%	416.000.000	416.000.000	13,87%	416.000.000	416.000.000
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt (b)	15,00%	337.500.000	337.500.000	15,00%	337.500.000	337.500.000
Cộng		25.658.940.000	753.500.000		25.658.940.000	753.500.000

(a) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại công ty này là 13,32% (bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty con).

(b) Tỷ lệ quyền biểu quyết tại hai công ty này bằng với tỷ lệ sở hữu.

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	-	-
Các bên khác	88.645.460	199.963.169
- Công ty TNHH Quảng cáo An Nhiên	46.278.000	-
- Công ty TNHH Xanh Zone	23.327.460	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất - Cơ khí - Xây dựng nhôm kính sắt inox Đức Trí	-	143.183.040
- Các nhà cung cấp khác	19.040.000	56.780.129
Cộng	88.645.460	199.963.169

Khả năng trả nợ: Công ty có khả năng trả tất cả các khoản nợ cho nhà cung cấp và nhà thầu.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2024		Phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu (a)	Phải nộp (b)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (a)	Phải nộp (b)
Thuế TNDN (*)	-	1.441.204.444	(1.503.708.853)	-	62.504.409	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	81.013.514	1.238.215.562	1.242.610.129	-	76.618.947
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	3.526.287.934	3.526.287.934	-	-
Các khoản khác	-	-	4.077.941	4.077.941	-	-
Cộng	-	1.522.217.958	3.264.872.584	4.772.976.004	62.504.409	76.618.947

(a) Thuế nộp thừa (phải thu) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

(b) Thuế phải nộp được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước tại Chi nhánh Bình Dương không phải nộp được ghi giảm vào số thuế phải nộp trong năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Nước sinh hoạt 5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Xem thuyết minh số 4.16 và số 28.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng này có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

Mẫu B 09-DN

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
19.1 Phải trả ngắn hạn khác	405.117.633	551.378.362
Kinh phí công đoàn	228.375.131	210.971.509
Nhận ký quỹ, ký cược	-	186.300.000
Các khoản khác	176.742.502	154.106.853
19.2 Phải trả dài hạn khác	186.300.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	186.300.000	-
Tổng cộng	591.417.633	551.378.362

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Năm 2024	Năm 2023
Tại ngày 01/01	2.648.665.742	2.552.885.036
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	198.190.706
Chi khen thưởng, phúc lợi	(186.320.000)	(102.410.000)
Tại ngày 31/12	2.462.345.742	2.648.665.742

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2023	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	29.673.773.066	452.787.979.199
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	-	12.007.317.309	12.007.317.309
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(198.190.706)	(198.190.706)
Tại 31/12/2023	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	21.064.865.169	444.179.071.302
Tại 01/01/2024	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	21.064.865.169	444.179.071.302
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	-	-	22.469.568.544	22.469.568.544
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(20.418.034.500)
Tại 31/12/2024	408.360.690.000	3.254.265.000	3.073.451.644	8.425.799.489	23.116.399.213	446.230.605.346

21.2 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	40.836.069

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND.

21.3 Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01.24NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 5% mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền là 20.418.034.500 VND. Khoản cổ tức này đã được chi trả hết trong năm.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ các loại	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	841,00	844,20
Euro (EUR)	20,00	20,00

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

23.1 Tổng doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng doanh thu	9.331.083.780	32.600.297.782
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	9.331.083.780	32.600.297.782
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	25.624.662.641
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.331.083.780	6.975.635.141

23.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	360.000.000	363.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	7.856.920.839	5.306.877.273
Cộng	8.216.920.839	5.669.877.273

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng hóa	-	25.048.175.782
Giá vốn dịch vụ	3.880.127.268	3.140.780.905
Cộng	3.880.127.268	28.188.956.687

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	3.835.366.720	5.346.458.729
Cổ tức và lợi nhuận được chia	37.795.226.000	24.569.761.000
Doanh thu tài chính khác	-	19.635
Cộng	41.630.592.720	29.916.239.364

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	8.746.900.022	7.439.016.709
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	506.869.638	219.407.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.997.106.747	3.398.263.340
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	(1.490.100.000)	(1.540.805.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.660.529.073	7.112.031.049
Các chi phí khác	6.733.262.821	5.398.008.342
Cộng	26.154.568.301	22.025.921.617

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Xử lý thuế không phải nộp tại Chi nhánh Bình Dương	1.503.708.853	-
Các khoản thu nhập khác	39.963.903	125.221.079
Cộng	<u>1.543.672.756</u>	<u>125.221.079</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

28.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.469.568.544	12.423.317.309
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	673.077.941	820.216.681
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(37.795.226.000)	(26.110.566.000)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.652.579.515)	(12.867.032.010)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

28.2 Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 37.301.215.163 VND (tại 31/12/2023 là 22.648.635.648 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh lỗ	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ	Không được	Chưa chuyển lỗ
			đến ngày 31/12/2023	chuyển lỗ	tại ngày 31/12/2024
2021	2026	2.002.239.909	-	-	2.002.239.909
2022	2027	7.779.363.729	-	-	7.779.363.729
2023	2028	12.867.032.010	-	-	12.867.032.010
2024	2029	14.652.579.515	-	-	14.652.579.515
Cộng		<u>37.301.215.163</u>	-	-	<u>37.301.215.163</u>

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai của Công ty và chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.869.638	219.407.177
Chi phí nhân công	8.746.900.022	7.439.016.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.877.234.015	6.539.044.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.660.529.073	7.112.031.049
Chi phí khác bằng tiền	5.243.162.821	5.398.008.342
Cộng	<u>30.034.695.569</u>	<u>26.707.507.522</u>

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

30.1 Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Thù lao của Hội đồng quản trị	660.000.000	660.000.000
Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Bùi Quang Minh - Phó Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Phương Mai - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Tất Phú - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Tình - Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	995.983.933	1.024.898.636
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc	539.693.653	601.923.076
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc	338.480.280	314.975.560
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Kế toán trưởng	117.810.000	108.000.000
Tổng cộng	1.787.983.933	1.816.898.636

30.2 Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Bán hàng hóa và dịch vụ	360.000.000	363.000.000
Cho vay	41.200.000.000	22.900.000.000
Lãi cho vay	3.478.004.658	3.859.993.644
Cổ tức được chia	17.636.281.500	11.757.521.000
Góp vốn cổ phần	-	59.963.362.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt		
Cổ tức được chia	7.757.100.000	9.049.950.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông		
Cổ tức được chia	8.639.554.500	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Cổ tức được chia	742.070.000	742.070.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Cổ tức được chia	3.020.220.000	3.020.220.000
Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.856.920.839	5.306.877.273
Mua hàng hóa, dịch vụ	831.205.766	463.756.324
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Thu tiền bán hàng	1.500.000.000	-
Chia cổ tức	1.615.026.500	1.615.026.500
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc		
Cho mượn tiền và thu hồi tiền cho mượn	-	160.550.000
Mượn tiền và trả tiền mượn	-	2.123.550.000

30.3 Công nợ giữa Công ty với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực		
Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh số 6)	33.000.000	-
Phải thu lãi cho vay (thuyết minh số 9)	940.571.781	336.943.562
Phải thu về cho vay (thuyết minh số 8)	54.905.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Phải thu từ hợp tác kinh doanh (thuyết minh số 6)	4.540.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh số 6)	25.959.970.801	27.459.970.801

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty đã điều chỉnh lại số liệu một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (gọi tắt là "BCTC 2023"). Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (gọi tắt là "BCTC 2024") như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTC 2023 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTC 2024 (trình bày lại)	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán riêng				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(337.500.000)	(753.500.000)	(416.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	414	2.967.606.986	3.073.451.644	105.844.658
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	105.844.658	-	(105.844.658)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.480.865.169	21.064.865.169	(416.000.000)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>9.057.547.860</i>	<i>8.641.547.860</i>	<i>(416.000.000)</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng				
Giá vốn hàng bán	11	25.048.175.782	28.188.956.687	3.140.780.905
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.166.702.522	22.025.921.617	(3.140.780.905)

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, cho vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Hiện tại khoản phải thu từ bán hàng của Công ty chủ yếu là nợ quá hạn của hai khách hàng, nên rủi ro tập trung vào hai khách hàng này. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu từ hai khách hàng này.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2024			
Phải trả người bán	199.963.169	-	199.963.169
Các khoản phải trả khác	551.378.362	-	551.378.362
Cộng	751.341.531	-	751.341.531
Tại ngày 31/12/2024			
Phải trả người bán	88.645.460	-	88.645.460
Các khoản phải trả khác	405.117.633	-	405.117.633
Cộng	493.763.093	-	493.763.093

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2024		01/01/2024		31/12/2024	01/01/2024
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.549.029	-	1.829.664	-	3.549.029	1.829.664
Phải thu khách hàng	40.254.116	(35.659.116)	37.268.535	(37.149.216)	4.595.000	119.319
Phải thu khác	1.166.900	-	1.259.287	-	1.166.900	1.259.287
Cho vay	54.905.000	-	60.735.000	-	54.905.000	60.735.000
Cộng	99.875.044	(35.659.116)	101.092.486	(37.149.216)	64.215.928	63.943.270
Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		01/01/2024		31/12/2024	01/01/2024
Phải trả người bán	88.645.460		199.963.169		88.645.460	199.963.169
Các khoản phải trả khác	405.117.633		551.378.362		405.117.633	551.378.362
Cộng	493.763.093		751.341.531		493.763.093	751.341.531

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.


35. PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính riêng này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

